

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CÔNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **17/2022/HNGĐ-ST**
Ngày 28-4-2022
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CÔNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Đức Thuận.

2. Bà Lê Thị Dệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 192/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2021, về việc: tranh chấp về Ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984.

ĐKKHKT: Thôn QT, xã VT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn CT, xã YT, huyện NT, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Đình T1, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Thôn QT, xã VT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị T, vắng mặt anh T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Đình T1 kết hôn với nhau do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã YT, huyện NT, tỉnh Thanh Hóa ngày 11/5/2006. Sau khi kết hôn được thời gian ngắn thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T1 thường xuyên uống rượu, về nhà gây sự đánh mẹ con chị, anh T1 không chịu tu chí làm ăn xây dựng phát triển kinh tế gia đình. Tháng 4 năm 2019 chị đã

làm đơn xin ly hôn anh T1 tại Tòa án, sau đó vì nghĩ để cho anh T1 cơ hội sửa sai và để các con có một gia đình yên ấm hạnh phúc nên chị đã rút đơn và Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Sau khi chị rút đơn, vợ chồng quay về chung sống đoàn tụ, anh T1 vẫn không thay đổi cách sống nên tháng 6 năm 2019 chị đưa ba con về bên nhà cha mẹ để ở xã YT, huyện NT, tỉnh Thanh Hóa ở cho đến nay. Từ đó đến nay vợ chồng không quan tâm đến nhau. Chị xác định, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh Hoàng Đình T1.

Về con chung: Chị T và anh T1 có 03 con chung là Hoàng Đình Hồng D, sinh ngày 21/9/2009, Hoàng Nguyễn Đình T2, sinh ngày 05/5/2011 và Hoàng Hoa T3, sinh ngày 20/6/2013. Khi ly hôn chị xin được nuôi cả 03 con và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng cho các con.

Về điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng ba con: Chị làm công nhân công ty giày Kim Việt, mức thu nhập hàng tháng từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng, có nơi ở ổn định nên đảm bảo chăm sóc và nuôi các con tốt. Anh T1 hiện nay không nghề nghiệp, không có thu nhập nên không có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng các con.

Về tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1 và có nguyện vọng được nuôi cả ba con sau khi ly hôn, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Hoàng Đình T1 trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh T1 thống nhất với ý kiến chị T về thời gian, địa điểm vợ chồng đăng ký kết hôn. Về mâu thuẫn vợ chồng: Do tính cách không hợp nhau, bất đồng ý kiến trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng sống ly thân mấy năm nay. Chị T làm đơn ly hôn anh, anh cũng đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 03 con chung là Hoàng Đình Hồng D, sinh ngày 21/9/2009, Hoàng Nguyễn Đình T2, sinh ngày 05/5/2011 và Hoàng Hoa T3, sinh ngày 20/6/2013. Khi ly hôn, anh xin được nuôi cả 03 con và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:

** Về thủ tục tố tụng:*

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án. Xác định tư cách tố tụng của các đương sự. Việc thực hiện các thủ tục tố tụng như ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố

tụng dân sự. về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS.

Về việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS. Đối với bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

** Về nội dung:*

Về hôn nhân: Anh T1 và chị T kết hôn với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã YT, huyện NT, tỉnh Thanh Hóa ngày 11/5/2006. Trong thời gian sống chung thường xảy ra mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay không quan tâm gì đến nhau. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị T được ly hôn anh T1.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao Hoàng Đình Hồng D, sinh ngày 21/9/2009, Hoàng Nguyễn Đình T2, sinh ngày 05/5/2011 và Hoàng Hoa T3, sinh ngày 20/6/2013 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nên không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện xin ly hôn anh Hoàng Đình T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn QT, xã VT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa theo khoản 1 Điều 28; Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 14/4/2022, Tòa án đã mở phiên tòa nhưng tại phiên tòa vắng mặt anh T1 vì vậy phải hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T1 vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do, tuy nhiên anh T1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, vì vậy áp dụng Điều 228 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh T1 là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Đình T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày tại Ủy ban nhân dân xã YT, huyện NT, tỉnh Thanh Hóa, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đánh giá về mâu thuẫn và thực trạng quan hệ hôn nhân: Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, về phía chị T trình bày thêm một nguyên nhân mâu thuẫn nữa là do anh T1 không chịu tu chí làm ăn, thường xuyên uống rượu gây sự đánh mẹ con chị. Khi xảy ra mâu thuẫn chị đã làm đơn ly hôn đến Tòa án vào tháng 4 năm 2019, nhưng vì nghĩ muốn cho anh T1 cơ hội để thay đổi bản thân và các con có cuộc sống yên ổn hạnh phúc nên chị đã rút đơn. Nhưng chỉ trong thời gian ngắn chị và các con không thể tiếp tục chung sống anh T1 nên tháng 6 năm 2019 chị đã đưa các con về bên nhà cha mẹ đẻ ở, từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay, mỗi người ở mỗi nơi, không ai quan tâm đến ai.

Quá trình giải quyết tại Tòa án, Tòa án đã tiến hành hòa giải cho các bên đương sự, anh T1 có mặt tham gia hòa giải, trình bày ý kiến của mình về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung nhưng anh T1 không ký vào biên bản hòa giải. Xét thấy: Hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tình yêu thương và sự tôn trọng nhau, cùng nhau cố gắng xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng giữa chị T và anh T1 không có được điều đó, dẫn đến mâu thuẫn gia đình trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T và anh T1 cùng yêu cầu ly hôn. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T và anh T1 là phù hợp với Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Đình T1 có 03 con chung là Hoàng Đình Hồng D, sinh ngày 21/9/2009, Hoàng Nguyễn Đình T2, sinh ngày 05/5/2011 và Hoàng Hoa T3, sinh ngày 20/6/2013.

Nguyên vọng của chị T và anh T1 khi ly hôn đều có nguyện vọng nuôi dưỡng 03 con và không yêu cầu cấp dưỡng. Về phía cháu Hoàng Đình Hồng D, Hoàng Nguyễn Đình T2 và Hoàng Hoa T3 có nguyện vọng xin được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Xét nguyện vọng của chị T và anh T1 về việc nuôi dưỡng con chung, thấy rằng: Khi vợ chồng sống ly thân, cả 03 con đều ở với chị T, nguyện vọng của các cháu xin ở với mẹ; Về phía anh T1: anh T1 không có sự quan tâm tới các con, không nghề nghiệp, không có thu nhập, không thể bảo đảm cuộc sống cho các con. Để bảo đảm tốt việc chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu cũng như không làm sáo trộn cuộc sống của các cháu, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị T, giao 03 con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật khi vợ chồng ly hôn. Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị T và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Hoàng Đình T1.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Đình Hồng D, sinh ngày 21/9/2009, Hoàng Nguyễn Đình T2, sinh ngày 05/5/2011 và Hoàng Hoa T3, sinh ngày 20/6/2013 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng cho con.

Anh Hoàng Đình T1 có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của các con, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu thay đổi cấp dưỡng cho con.

3. Về tài sản chung: Hai bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Dành quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác cho các bên đương sự khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0006742 ngày 30/11/2021; chấp nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị T, vắng mặt anh T1. Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T1 vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã YT, NT;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Võ Kỳ Anh